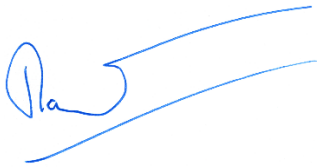
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
THÁNG 11 NĂM 2026
PHẠM VI: TỈNH HƯNG YÊN

TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Trần Trung

NĂM 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....3
1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo.....3
1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo.....3
1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất.....3
1.2.2. Mực nước dưới đất.....3
1.2.3. Chất lượng nước dưới đất.....9
II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC..... 11
2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất.....11
2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh).....11
2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp).....12
2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n).....14
2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất.....16
2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất.....16
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 16

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước dưới đất tháng trong tỉnh Hưng Yên được biên soạn hàng tháng để cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất phục vụ các mục đích quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Tỉnh Hưng Yên là một tỉnh thuộc lưu vực sông Hồng – Thái Bình có diện tích tự nhiên là 2.514,8 km^2. Mùa mưa diễn ra từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất trung bình tháng 10 năm 2026, chất lượng nước mùa khô năm 2026 và dự báo mực nước dưới đất tháng tiếp theo tại các tầng chứa nước, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 22 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo

1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất

Nguồn nước dưới đất tỉnh Hưng Yên phân bố chủ yếu trong các tầng chứa nước gồm: tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) và tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 660.706 m^3/ngày, tầng chứa nước qp là 2.265.582 m^3/ngày. Đối với tầng chứa nước n, tổng tài nguyên nước dự báo chưa được đánh giá.

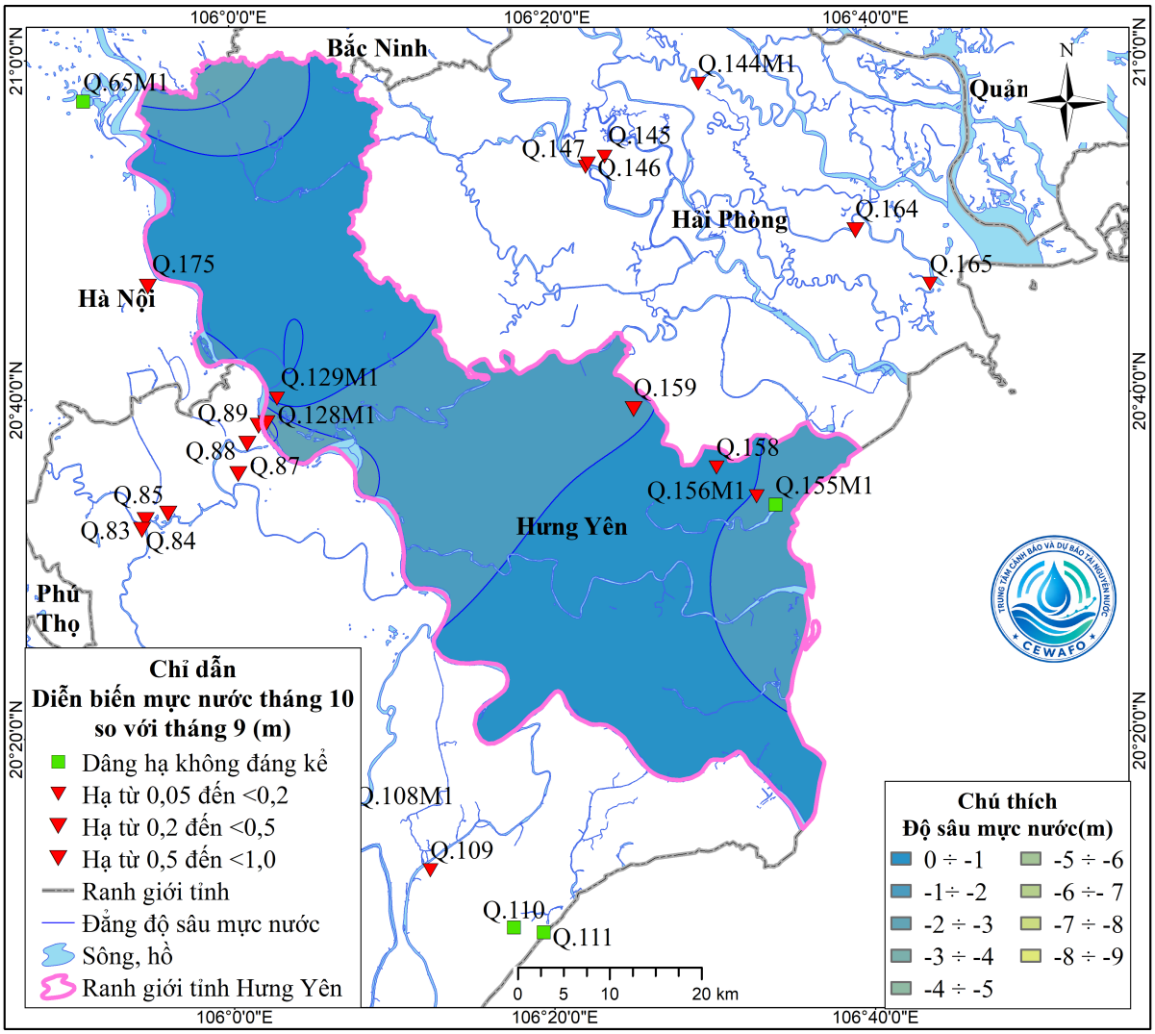
1.2.2. Mực nước dưới đất

1.2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh_2)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 0,45 m tại phường Phố Hiến (Q.128M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,65 m tại xã Bắc Thụy Anh (Q.158) và sâu nhất là -3,45 m tại phường Phố Hiến (Q.128M1).

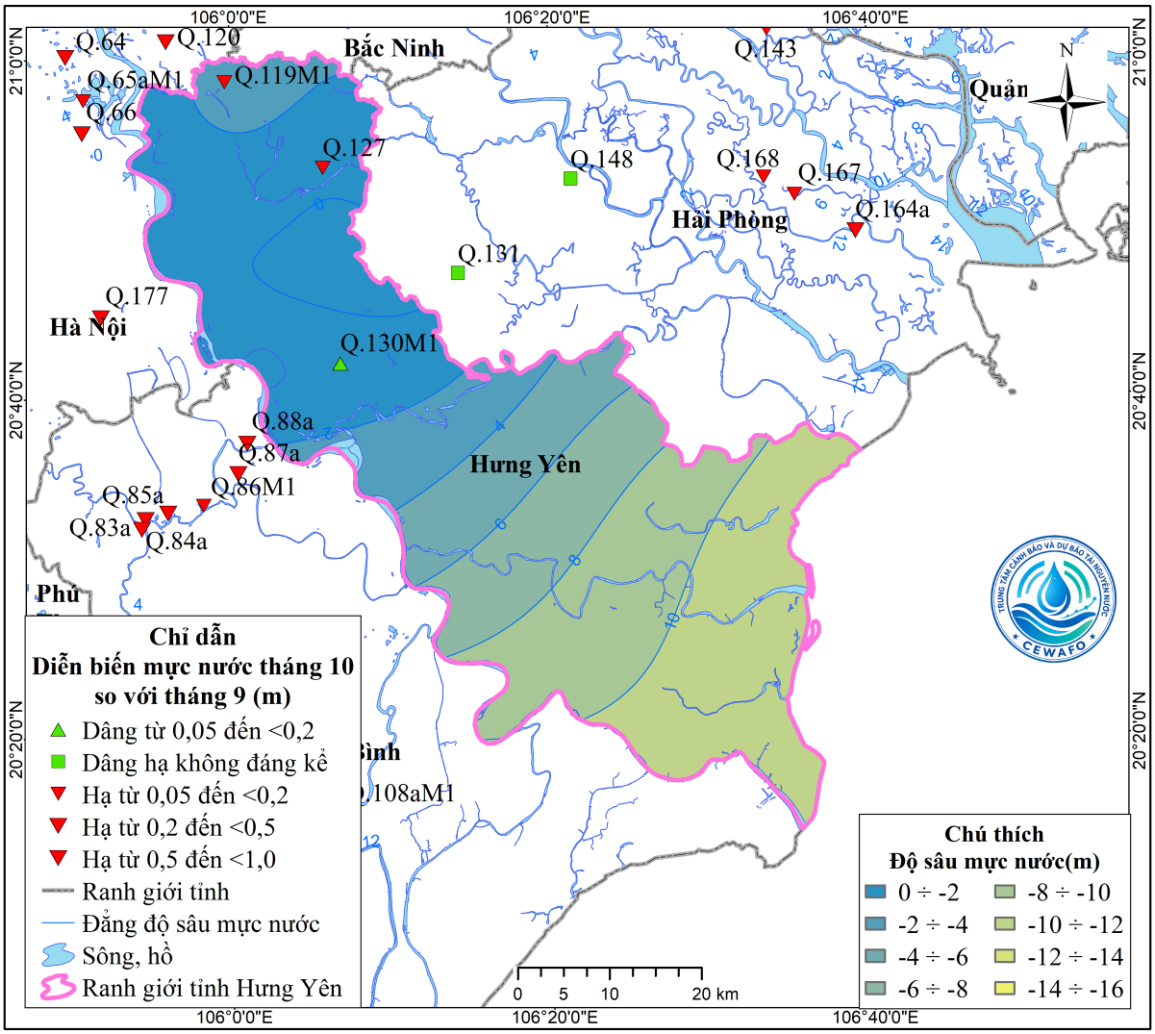


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp qh_2

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 0,17 m tại xã Như Quỳnh (Q.119M1) và giá trị dâng cao nhất là 0,11 m tại xã Hoàng Hoa Thám (Q.130M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,4 m tại phường Đường Hào (Q.127) và sâu nhất là -2,97 m tại xã Như Quỳnh (Q.119M1).



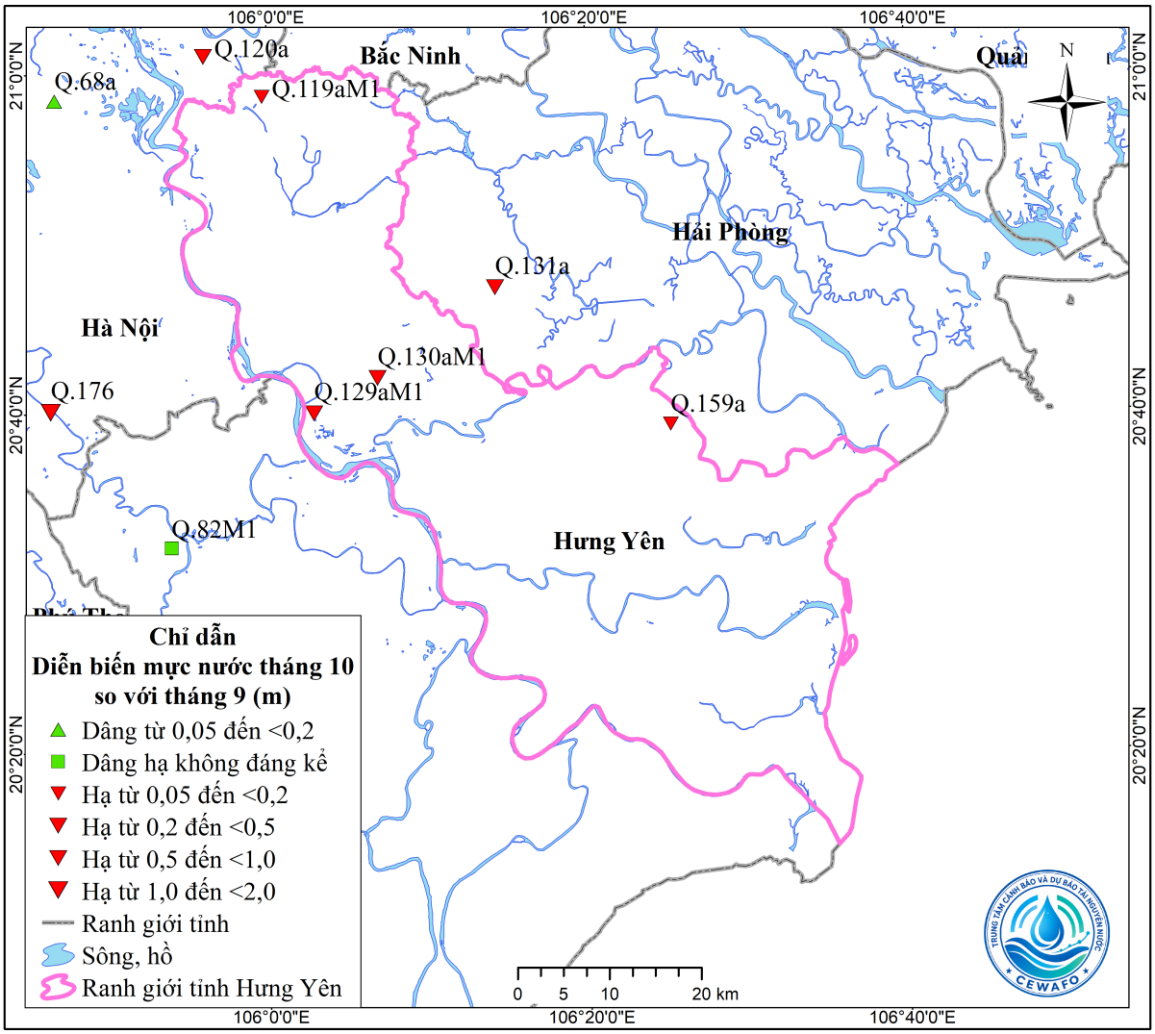
Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp qh_1

1.2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp_2)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 0,89 m tại xã Hoàng Hoa Thám (Q.130aM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -3,37 m tại phường Sơn Nam (Q.129aM1) và sâu nhất là -8,7 m tại xã Như Quỳnh (Q.119aM1).

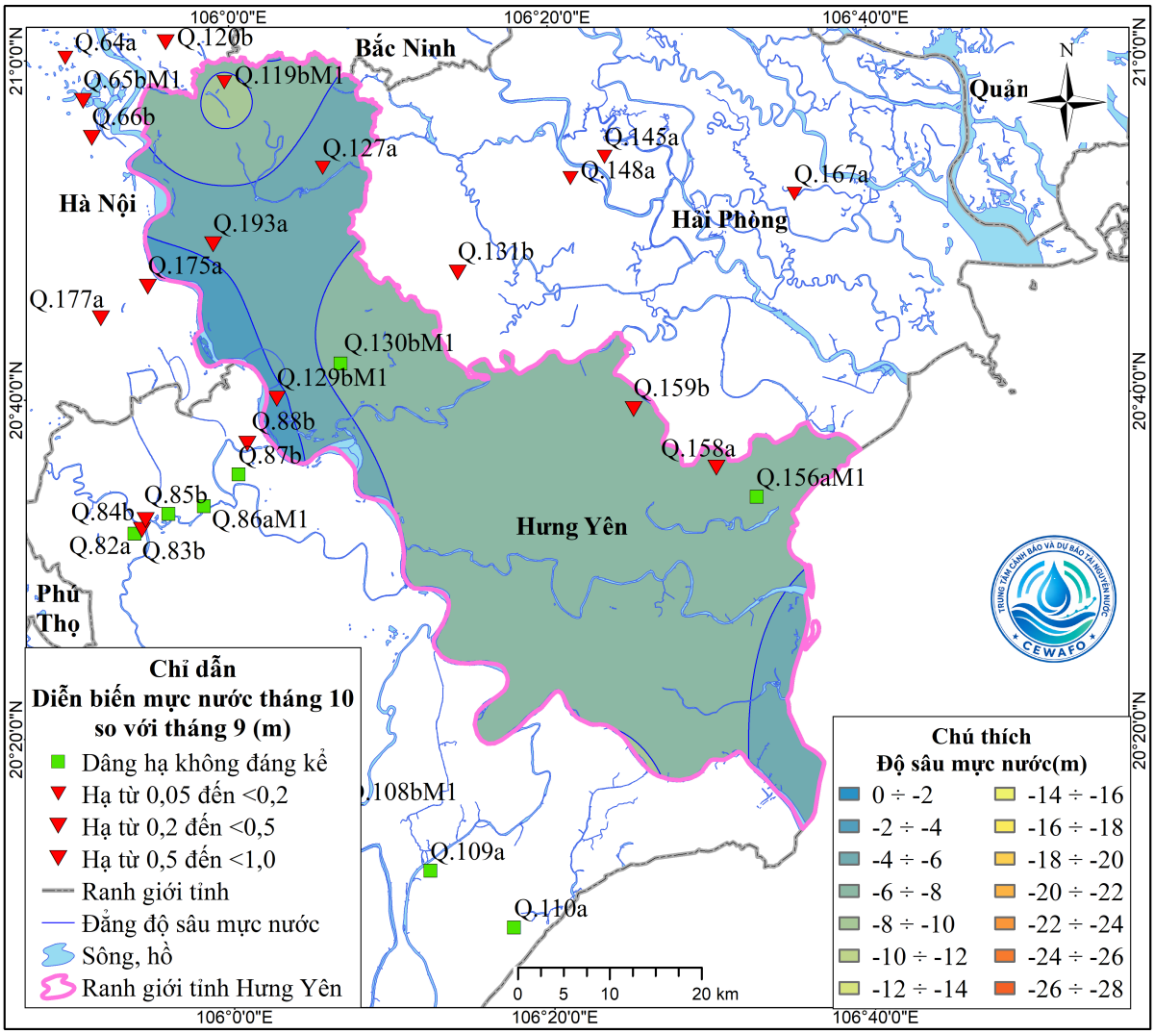


Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp qp_2

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp_1)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 0,26 m tại phường Sơn Nam (Q.129bM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -3,55 m tại phường Sơn Nam (Q.129bM1) và sâu nhất là -8,72 m tại xã Như Quỳnh (Q.119bM1).



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp qp_1

1.2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.193b thuộc xã Khoái Châu, mực nước trung bình tháng 10 dâng hạ không đáng kể so với tháng 9.

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)					
I.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh_2)					
1	Q.128M1	phường Phố Hiến	-3,15	-3,72	-3,45
2	Q.129M1	phường Sơn Nam	-0,59	-0,83	-0,68
3	Q.155M1	xã Thái Thụy	-1,74	-1,98	-1,83
4	Q.156M1	xã Thái Thụy	-1,07	-1,17	-1,12
5	Q.158	xã Bắc Thụy Anh	-0,57	-0,77	-0,65
6	Q.159	xã Phụ Dực	-0,99	-1,28	-1,11
I.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1)					
1	Q.119M1	xã Như Quỳnh	-2,75	-3,24	-2,97

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
2	Q.127	phường Đường Hào	-0,36	-0,63	-0,40
3	Q.130M1	xã Hoằng Hoa Thám	-0,74	-1,21	-0,79
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)					
II.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp_2)					
1	Q.119aM1	xã Như Quỳnh	-8,61	-8,93	-8,70
2	Q.129aM1	phường Sơn Nam	-2,81	-3,91	-3,37
3	Q.130aM1	xã Hoằng Hoa Thám	-5,68	-6,28	-5,86
4	Q.159a	xã Phụ Dực	-7,74	-7,86	-7,80
II.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp_1)					
1	Q.119bM1	xã Như Quỳnh	-8,61	-8,95	-8,72
2	Q.127a	phường Đường Hào	-5,11	-5,46	-5,26
3	Q.129bM1	phường Sơn Nam	-3,41	-3,77	-3,55
4	Q.130bM1	xã Hoằng Hoa Thám	-6,27	-6,69	-6,64
5	Q.193a	xã Khoái Châu	-4,06	-4,70	-4,31
6	Q.156aM1	xã Thái Thụy	-6,27	-6,42	-6,36
7	Q.158a	xã Bắc Thụy Anh	-5,93	-6,50	-6,14
8	Q.159b	xã Phụ Dực	-7,24	-7,88	-7,47
III. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)					
1	Q.193b	xã Khoái Châu	-4,31	-4,76	-4,55

1.2.3. Chất lượng nước dưới đất

1.2.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh_2)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt GTGH, cụ thể như sau:

Tổng chất rắn hòa tan (TDS) có 1/6 công trình vượt GTGH tại công trình Q.156M1 (xã Thái Thụy).

Amoni có 6/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.128M1 (phường Phố Hiến).

Chỉ số Permanganat có 6/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.156M1 (xã Thái Thụy).

Độ cứng có 6/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.129M1 (phường Sơn Nam).

Arsenic có 1/6 công trình vượt GTGH tại công trình Q.128M1 (phường Phố Hiến).

Chloride có 2/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.156M1 (xã Thái Thụy).

Nitrit có 2/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.158 (xã Bắc Thụy Anh).

Mangan có 2/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.158 (xã Bắc Thụy Anh).

Sắt có 4/6 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.159 (xã Phụ Dực).

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt GTGH, cụ thể như sau:

Chỉ số Permanganat có 2/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.130M1 (xã Hoàng Hoa Thám).

Độ cứng có 2/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.127 (phường Đường Hào).

Chloride có 1/3 công trình vượt GTGH tại công trình Q.130M1 (xã Hoàng Hoa Thám).

Nitrit có 1/3 công trình vượt GTGH tại công trình Q.130M1 (xã Hoàng Hoa Thám).

Mangan có 2/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.127 (phường Đường Hào).

Sắt có 1/3 công trình vượt GTGH tại công trình Q.127 (phường Đường Hào).

1.2.3.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp_2)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt GTGH, cụ thể như sau:

Tổng chất rắn hòa tan (TDS) có 2/4 công trình vượt GTGH tại các công trình Q.130aM1 (xã Hoàng Hoa Thám) và Q.159a (xã Phụ Dực), vượt lớn nhất tại công trình Q.159a (xã Phụ Dực).

Amoni có 2/4 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.129aM1 (phường Sơn Nam).

Chỉ số Permanganat có 3/4 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.129aM1 (phường Sơn Nam).

Độ cứng có 2/4 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.159a (xã Phụ Dực).

Chloride có 2/4 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.159a (xã Phụ Dực).

Nitrit có 1/4 công trình vượt GTGH tại công trình Q.129aM1 (phường Sơn Nam).

Mangan có 2/4 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.130aM1 (xã Hoàng Hoa Thám).

Sắt có 2/4 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.159a (xã Phụ Dực).

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp_1)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt GTGH, cụ thể như sau:

Tổng chất rắn hòa tan (TDS) có 1/8 công trình vượt GTGH tại công trình Q.130bM1 (xã Hoàng Hoa Thám).

Amoni có 3/8 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.129bM1 (phường Sơn Nam).

Chỉ số Permanganat có 3/8 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.156aM1 (xã Thái Thụy).

Độ cứng có 3/8 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.156aM1 (xã Thái Thụy).

Chloride có 4/8 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.130bM1 (xã Hoàng Hoa Thám).

Mangan có 8/8 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.193a (xã Khoái Châu).

Sắt có 8/8 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.156aM1 (xã Thái Thụy).

1.2.3.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại công trình Q.193b (xã Khoái Châu) cho thấy các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT, không có thông số nào vượt GTGH.

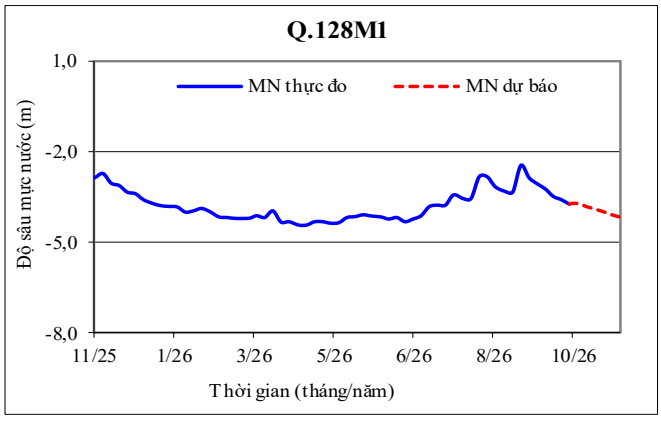
II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC

2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất

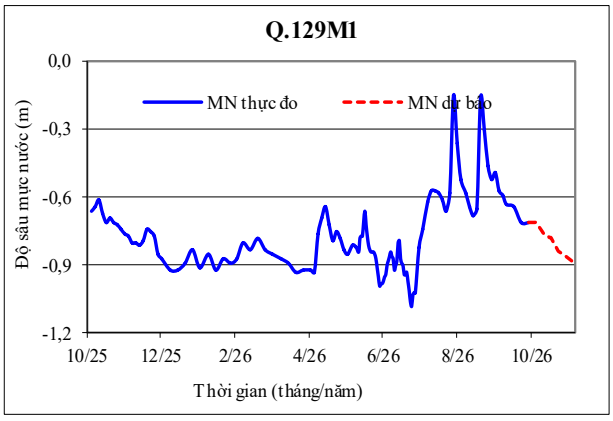
2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

2.1.1.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh_2)

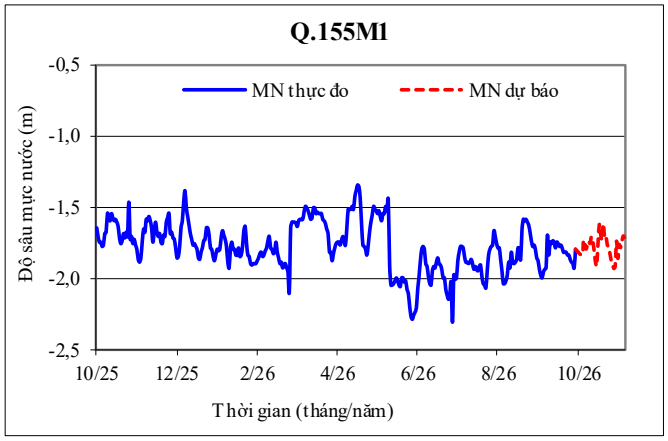
Trong tháng 11 dự báo mực nước có xu thế hạ là chính, dao động mực nước từ 0,25 đến 0,52m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



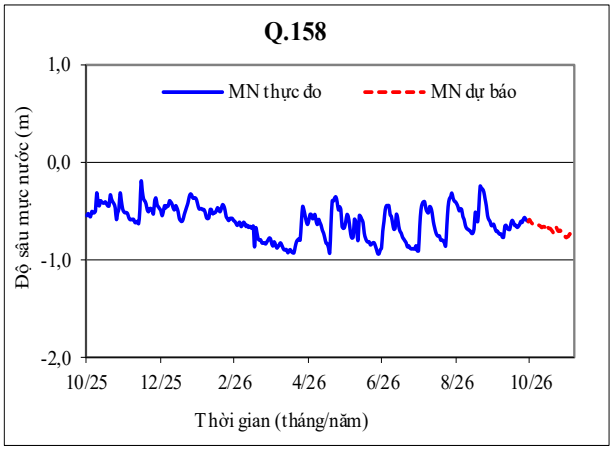
a. Phường Phố Hiến (Q.128M1)



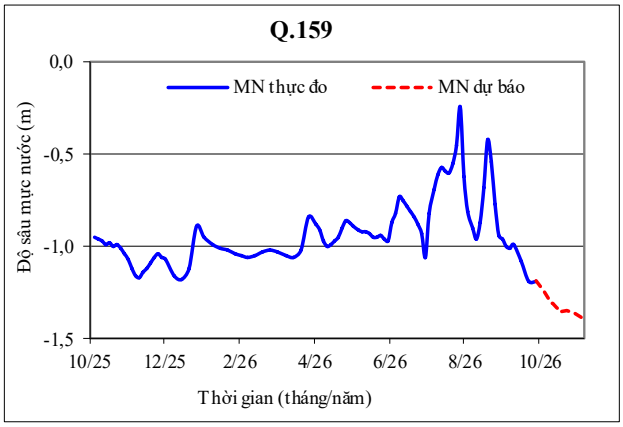
b. Phường Sơn Nam (Q.129M1)



c. Xã Thái Thụy (Q.155M1)



d. Xã Bắc Thụy Anh (Q.158)

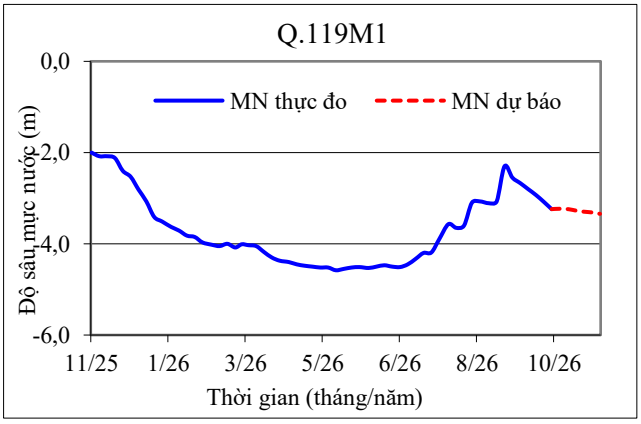


e. xã Phụ Dực (Q.159)

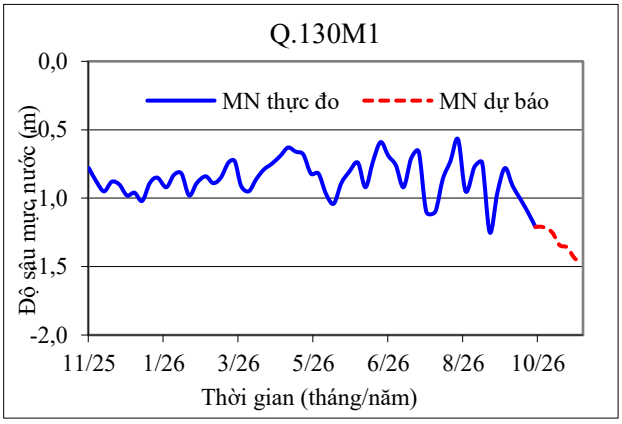
Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh_2

2.1.1.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1)

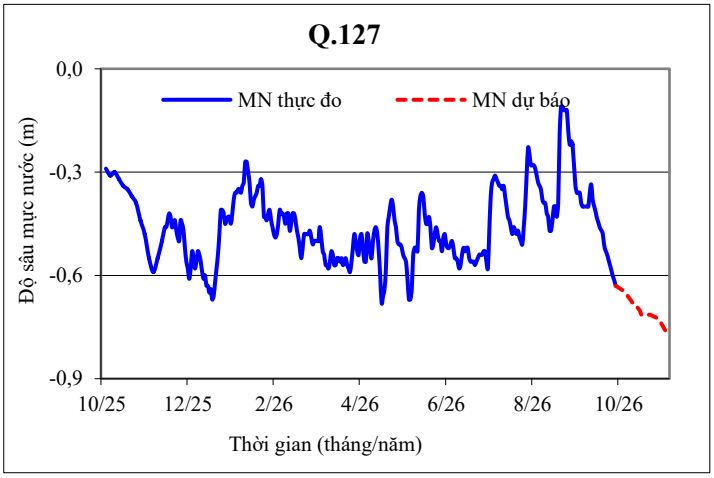
Trong tháng 11 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,11 đến 0,49m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình như sau:



xã Như Quỳnh (Q.119M1)



xã Hoàng Hoa Thám (Q.130M1)



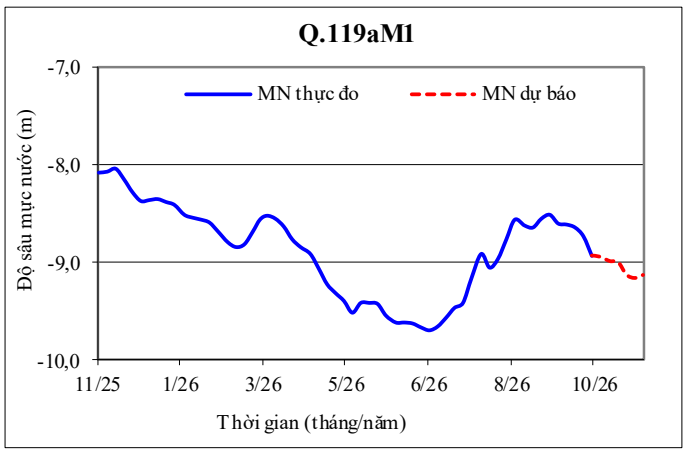
phường Đường Hào (Q.127)

Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh_1

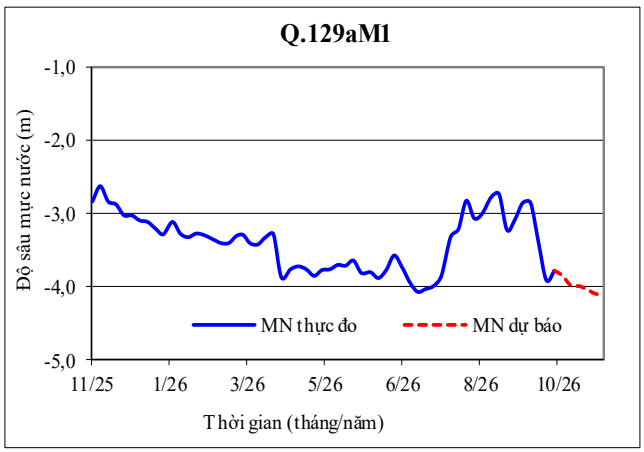
2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

2.1.2.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp_2)

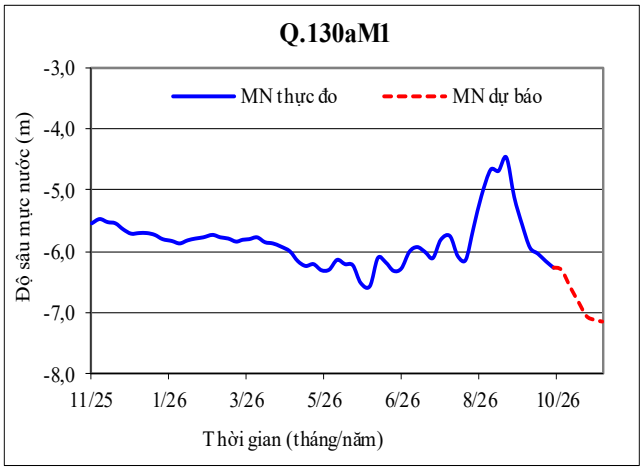
Trong tháng 11 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,18 đến 1,13m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



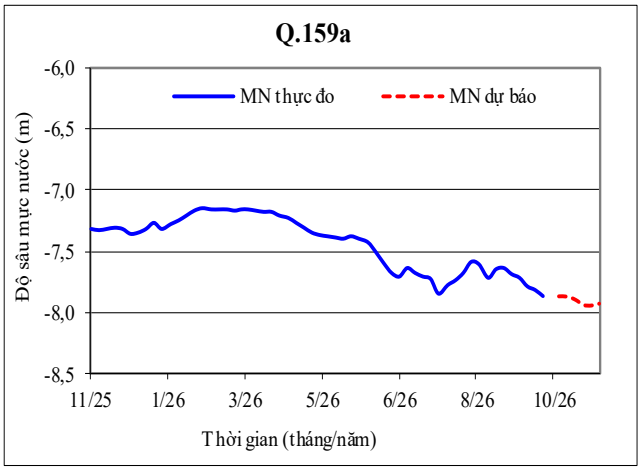
a. Xã Như Quỳnh (Q.119aM1)



b. Phường Sơn Nam (Q.129aM1)



c. Xã Hoàng Hoa Thám (Q.130aM1)

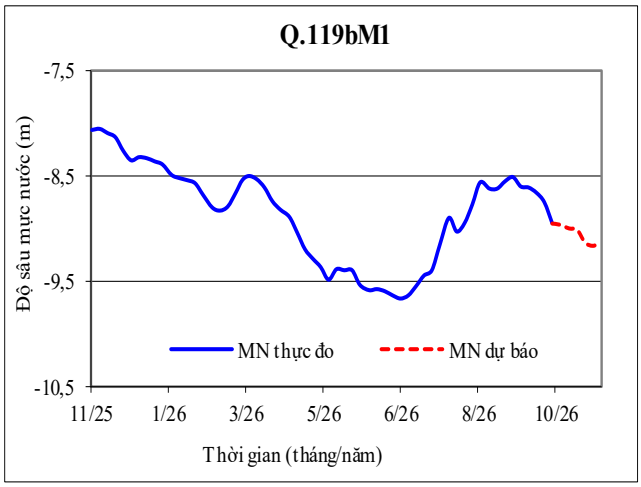


d. Xã Phụ Dực (Q.159a)

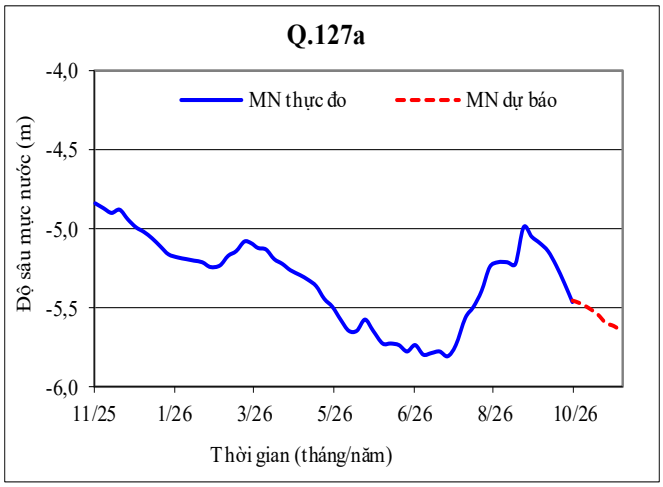
Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp_2

2.1.2.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp_1)

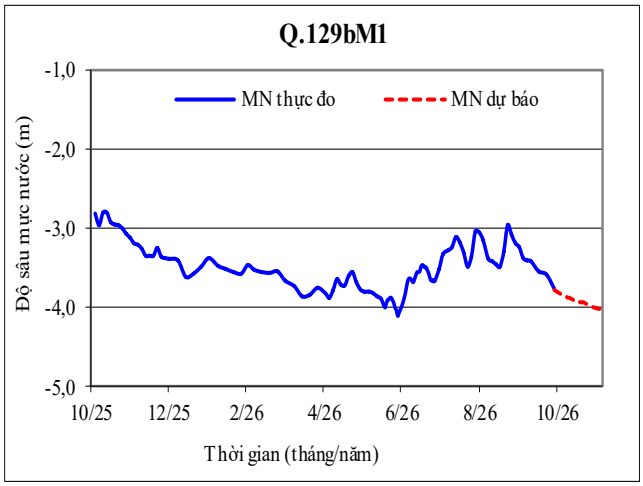
Trong tháng 11 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,17 đến 0,57m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



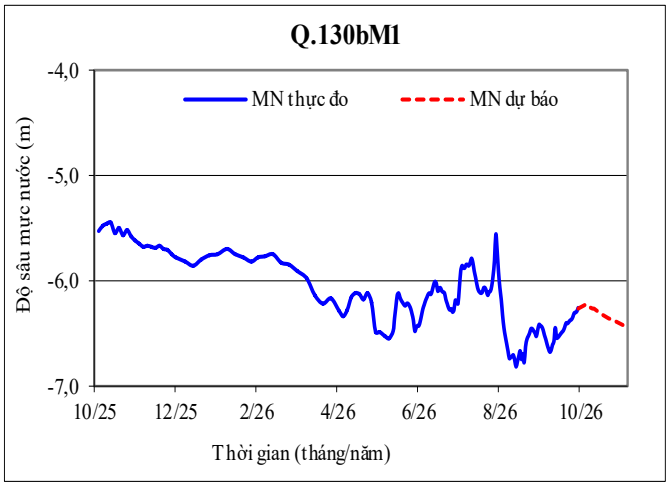
a. Xã Như Quỳnh (Q.119bM1)



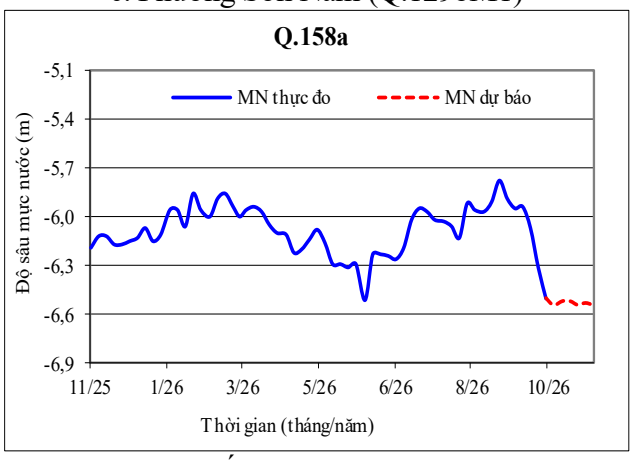
b. Phường Đường Hào (Q.127a)



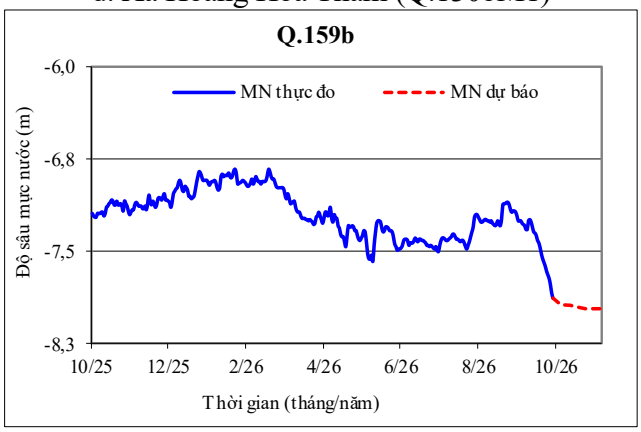
c. Phường Sơn Nam (Q.129bM1)



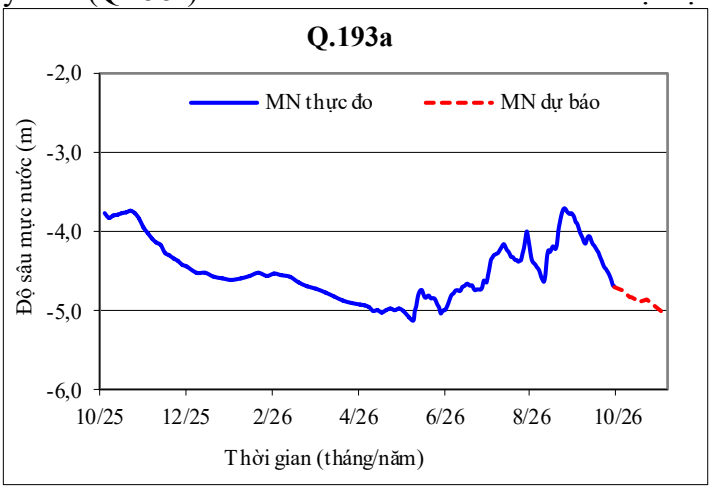
d. Xã Hoàng Hoa Thám (Q.130bM1)



e. Xã Bắc Thụy Anh (Q.158a)



f. Xã Phụ Dực (Q.159b)

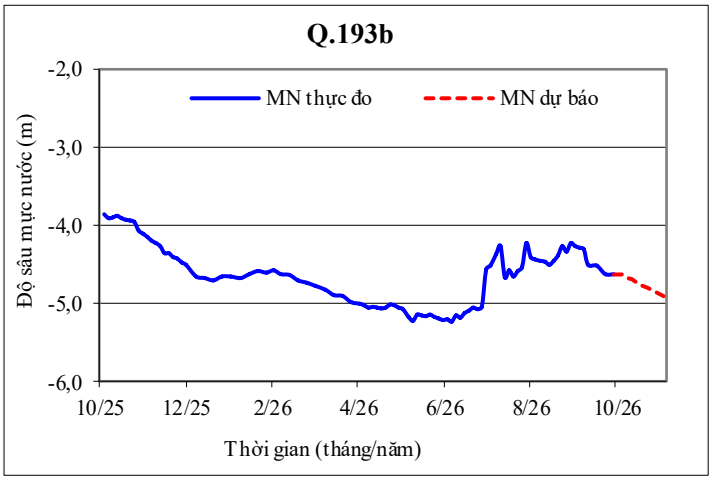


g. Xã Khoái Châu (Q.193a)

Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp_1

2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Trong tháng 11 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,19 đến 0,29m. Chi tiết diễn biến mực nước công trình Q.193b như sau:



Hình 9. Dự báo độ sâu mực nước tầng Neogen

Bảng 2.Tổng hợp độ sâu mực nước dự báo tháng 11 năm 2026

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)						
I.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh$_2$)						
1	Q.128M1	phường Phố Hiến	-3,83	-4,18	-3,96	30/11/2026
2	Q.129M1	phường Sơn Nam	-0,73	-0,89	-0,81	29/11/2026
3	Q.155M1	xã Thái Thụy	-1,70	-1,79	-1,74	18/11/2026
4	Q.156M1	xã Thái Thụy	-1,10	-1,17	-1,14	30/11/2026
5	Q.158	xã Bắc Thụy Anh	-0,65	-0,80	-0,72	29/11/2026
6	Q.159	xã Phụ Dực	-1,27	-1,39	-1,34	29/11/2026
I.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh$_1$)						
1	Q.119M1	xã Như Quỳnh	-3,24	-3,34	-3,29	30/11/2026
2	Q.127	phường Đường Hào	-0,66	-0,77	-0,71	29/11/2026
3	Q.130M1	xã Hoàng Hoa Thám	-1,25	-1,47	-1,37	30/11/2026
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)						
II.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp$_2$)						
1	Q.129aM1	phường Sơn Nam	-4,00	-4,12	-4,04	30/11/2026
2	Q.130aM1	xã Hoàng Hoa Thám	-6,61	-7,15	-6,90	30/11/2026
3	Q.119aM1	xã Như Quỳnh	-8,99	-9,15	-9,06	24/11/2026
4	Q.159a	xã Phụ Dực	-7,86	-7,94	-7,91	24/11/2026
II.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp$_1$)						
1	Q.119bM1	xã Như Quỳnh	-9,00	-9,17	-9,08	24/11/2026
2	Q.127a	phường Đường Hào	-5,51	-5,64	-5,56	30/11/2026

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
3	Q.129bM1	phường Sơn Nam	-3,84	-4,01	-3,93	28/11/2026
4	Q.130bM1	xã Hoàng Hoa Thám	-6,25	-6,43	-6,35	28/11/2026
5	Q.193a	xã Khoái Châu	-4,78	-5,04	-4,90	28/11/2026
6	Q.156aM1	xã Thái Thụy	-6,28	-6,32	-6,30	18/11/2026
7	Q.158a	xã Bắc Thụy Anh	-6,52	-6,55	-6,53	30/11/2026
8	Q.159b	xã Phụ Dực	-7,94	-7,97	-7,96	18/11/2026
III. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)						
1	Q.193b	xã Khoái Châu	-4,65	-4,91	-4,79	28/11/2026

2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất

Dự báo mực nước dưới đất tháng 11 so với mực nước quan trắc tháng 10 có xu thế hạ tại lớp chứa nước qh_2, qh_1, qp_2, qp_1 và tầng chứa nước n.

2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất

Theo Khoản 18 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong tỉnh Hưng Yên thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi tỉnh Hưng Yên chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, tuy nhiên để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong tỉnh và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nằm trong giá trị giới hạn theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên, một số công trình có thông số vượt GTGH tập trung ở các tầng chứa nước Holocen (qh) và Pleistocen (qp). Các thông số vượt chủ yếu bao gồm Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amoni, chỉ số Permanganat, độ cứng, Arsenic, Chloride, Nitrit, Mangan và Sắt. Một số khu vực đáng chú ý gồm:

Tầng qh: Amoni và Arsenic vượt lớn nhất tại công trình phường Phố Hiến (Q.128M1); độ cứng vượt lớn nhất tại công trình phường Sơn Nam (Q.129M1); Chloride, Tổng chất rắn hòa tan (TDS) và chỉ số Permanganat vượt lớn nhất tại công trình xã Thái Thụy (Q.156M1); Nitrit và Mangan vượt lớn nhất tại công trình xã Bắc Thụy Anh (Q.158); Sắt vượt lớn nhất tại công trình xã Phụ Dực (Q.159).

Tầng qp: Amoni và chỉ số Permanganat vượt lớn nhất tại công trình phường Sơn Nam (Q.129aM1); Tổng chất rắn hòa tan (TDS), độ cứng, Chloride và Sắt vượt lớn nhất tại công trình xã Phụ Dực (Q.159a); Nitrit vượt tại công trình phường Sơn Nam (Q.129aM1); Mangan vượt lớn nhất tại công trình xã Khoái Châu (Q.193a).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

• Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;

• Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: số 10, ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Email: ttqhdttnnqg_bktth@mae.gov.vn

Bản tin được phát hành vào ngày 02 tháng 11 năm 2026 và đăng tải trên các trang thông tin điện tử: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

PHỤ LỤC

GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	GTGH
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Chỉ số Permanganat	mg/l	4
	6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	7	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)	mg/l	500
	8	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	9	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	10	Nitrite (NO_2^- tính theo Nitơ)	mg/l	1
	11	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	12	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	13	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	14	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	15	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	16	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	17	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	18	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	19	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	20	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	21	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	22	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	23	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	24	Aldrin ($C_{12}H_8Cl_6$)	mg/l	0,0001
	25	Lindane ($C_6H_6Cl_6$)	mg/l	0,00002
	26	Dieldrin ($C_{12}H_8Cl_6O$)	mg/l	0,0001
	27	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) ($C_{14}H_9Cl_5$)	mg/l	0,001
	28	Heptachlor & Heptachlorepoxide ($C_{10}H_5Cl_7$ & $C_{10}H_5Cl_7O$)	mg/l	0,001
	29	Diazinon ($C_{12}H_{21}N_2O_3PS$)	mg/l	0,02
	30	Parathion ($C_{10}H_{14}NO_5PS$)	mg/l	0,06
	31	Phenol (C_6H_5OH)	mg/l	0,001
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	34	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện